

TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/DS-ST

Ngày 23/4/2018

V/v: “Tranh chấp về chia thừa kế”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Quốc Văn

2. Bà Dương Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền- KSV.

Ngày 23/4/2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2017/TLST- DS ngày 12/12/2017 về việc “Tranh chấp về chia thừa kế” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Th- sinh năm 1954; địa chỉ: thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Tất C - sinh năm 1945; địa chỉ: thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phạm Thị K- sinh năm 1949; địa chỉ: thôn i, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Ông Phạm Văn L – sinh năm 1962; địa chỉ: thôn B, xã L, huyện N, Thanh Hóa.

- Ông Phạm Văn Tr – sinh năm: 1964; địa chỉ: thôn B, xã L, huyện N, Thanh Hóa.

- Ông Phạm Minh H – sinh năm 1956; địa chỉ: số nhà 8, tổ 3, ấp 2, xã S, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

Phiên tòa có mặt các đương sự: bà Th, ông C, bà K, ông L, ông Tr,; vắng mặt ông H, ông H (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và theo bản tự khai bà Th trình bày: bố mẹ bà là cụ Phạm Văn Kh và cụ Nguyễn Thị T sinh được 06 anh chị em là C, K, H, L, Tr và bà là Th. Trước những năm 1980, bố mẹ và các anh chị em đều sinh sống trên thửa đất của bố mẹ. Khi trưởng thành, các anh chị em đều lập gia đình và ở riêng. Chỉ có bà không lấy chồng nên ở với bố mẹ trên thửa đất đó đến bây giờ. Năm 2001, mẹ bà mất. Năm 2014, bố bà mất. Bố mẹ mất không để lại di chúc. Tài sản của bố mẹ để lại là đất thổ địa diện tích 420m², tại tờ bản đồ số 4, số thửa 493, xã L, được UBND huyện Nga Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/9/2004, mang tên ông Phạm Văn Kh. Tài sản trên đất có 01 nhà cấp 4 bốn gian đã hư hỏng. Năm 2015 do căn nhà cấp 04 của bố mẹ hư hỏng nặng, không thể sử dụng được, bà tạm thời mượn 01 phần đất xây 01 gian nhà lợp mái bờ lu xi măng khoảng 60m² để bà và cháu gái là Phạm Thị (con gái ông L) ở và bán hàng. Tháng 10 năm 2017, anh chị em trong gia đình có họp, bà đề nghị xin tách 1/2 thổ địa trên để bà làm nhà nhưng ông C không nhất trí. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất 420m² nêu trên theo quy định của pháp luật.

Trình bày của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông C, bà K, ông L, ông H, ông Tr đều thừa nhận: diện tích đất thổ địa 420m² là tài sản của bố mẹ để lại, khi bố mẹ mất không để lại di chúc. Các đương sự đều thống nhất là chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ký phần của bà K và ký phần của ông L, bà K và ông L cho bà Th.

Ký phần của ông C và ký phần của ông H, ông C và ông H nhận để làm nhà thờ. Ký phần của ông Tr, ông xin được nhận.

Ngày 05/01/2018, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt ông H. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Hôm nay, Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn mở phiên tòa sơ thẩm để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: chấp nhận đơn khởi kiện của bà Th yêu cầu chia di sản thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: theo giấy chứng tử mà đương sự cung cấp, cụ Nguyễn Thị T chết ngày 20/6/2001, cụ Phạm Văn Kh chết ngày 16/6/2014. Ngày 12/12/2017, bà Phạm Thị Th nộp đơn đến Tòa án yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T, cụ Kh. Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của bà Th về chia di sản thừa kế của cụ T và cụ Kh đều còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Bà Th khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, diện tích 420m² là di sản của cụ Kh và cụ T để lại, đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như trình bày ở trên. Các đương sự đều thừa nhận tài sản trên là của bố mẹ để lại, khi bố mẹ mất không để lại di chúc. Ngoài ra, UBND xã L còn xác nhận: ông Phạm Văn Kh (đã chết) đã sử dụng thửa đất số 188, tờ bản đồ số 01 (BĐ 299-TTg-xã L) nay là thửa 493, tờ bản đồ số 4 với diện tích 420m², diện tích sử dụng có nguồn gốc trước năm 1980. Do vậy, diện tích đất 420m² được xác định là tài sản chung của vợ chồng cụ Kh và cụ T. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, các đương sự đều thống nhất đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật. Như vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th là phù hợp.

[3] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 26/01/2018, diện tích đất đo thực tế là 362m², giá trị 362m² x 250.000đ/m² = 90.500.000đ. Do đó mỗi kỹ phần được hưởng là 90.500.000đ : 6 = 15.083.000đ.

[4] Kỹ phần của bà K và kỹ phần của ông L, bà K, ông L đều cho bà Th và bà Th đồng ý nhận. Xét thấy, ý kiến của bà Th, bà K và ông L là tự nguyện nên cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là phù hợp.

[5] Diện tích đo thực tế là 362m², các đương sự đều yêu cầu được nhận đất. Phần của bà Th, ông L, bà K được chia là 1/2 diện tích 362m² thì được 181m². Phần còn lại là 181m² chia cho cả 03 người (ông C, ông H và ông Tr), mỗi người chỉ được 60,33m², theo quy định đất thuộc khu vực nông thôn sẽ không phù hợp, nên cần chia cho 02 người bằng hiện vật, còn lại 01 người nhận bằng giá trị mới phù hợp với thực tế.

Các đương sự ông C, ông H, ông Tr đều yêu cầu được nhận đất, không có ai nhận giá trị là thực tế. Nhưng xét: hiện tại ông Tr đang ở sát cạnh đất của cụ Kh và cụ T để lại; ông C, ông H ở xa. Để các ông có nơi thờ cúng tổ tiên, cần xem xét chia bằng hiện vật là đất cho ông H và ông C, còn ông Tr nhận bằng giá trị là tiền. Ông C

và ông H phải trả lại giá trị đất bằng tiền cho ông Tr là phù hợp với thực tế và phù hợp với pháp luật.

Hiện nay, bà Th đang ở phần đất phía Tây. Bà K, ông L đều cho bà Th nên cần chia phần của bà K, ông L liền với bà Th để bà Th sử dụng. Ông H, ông C được chia phần còn lại của thửa đất là phù hợp với thực tế và đúng pháp luật.

[6] Tại biên bản làm việc ngày 26/3/2018 và tại phiên tòa, các đương sự đều trình bày: trên đất có 01 nhà cấp 4 bốn gian, quay hướng nam của bố mẹ để lại đã hư hỏng, không còn giá trị sử dụng. Các đương sự đều thống nhất chia đất cho các đương sự sử dụng, đất của ai vào vị trí của ngôi nhà trên thì tự tháo dỡ. Xét thấy, ý kiến của các đương sự phù hợp với thực tế nên cần chấp nhận.

[7] Quá trình giải quyết vụ án, bà Th đề nghị hiện tại bà có làm 01 gian nhà sát nhà văn hóa thôn để bà và cháu gái là Phạm Thị B ở tạm và bán hàng. Hiện tại, gian nhà đó không còn giá trị sử dụng, bà không yêu cầu Tòa án xem xét, nên miễn xét.

[8] Tại phiên tòa ông H vắng mặt, nhưng ông đã có đơn xin xử vắng mặt. Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật, nên cần xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[9] Về án phí: Tại phiên tòa bà Th có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí vì bà có sổ hộ nghèo. Theo quy định thì bà Th thuộc hộ nghèo nên bà được miễn nộp tiền án phí. Do đó, đề nghị của bà Th cần được chấp nhận. Các đương sự: ông C, ông H, ông Tr phải chịu án phí cụ thể: $15.083.000đ \times 5\% = 754.000đ$. Do đó, mỗi người phải nộp là 754.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 623, Điều 649; 650, 651 Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Th về chia thừa kế.

Diện tích đất 362m² tại thửa 493, tờ bản đồ số 4 tại B, xã L, được UBND huyện Nga Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W954955 ngày 01/9/2004 được chia như sau: Lấy cạnh phía Bắc giáp nhà ông Tr kéo từ cạnh phía Tây giáp nhà văn hóa thôn sang cạnh phía Đông giáp đường giao thông thôn. Phần đất phía Tây giao cho bà Th, phần đất còn lại phía Đông giao cho ông H và ông C. Cụ thể:

+ Giao cho bà Th: cạnh phía Bắc giáp đất nhà ông Tr rộng 7,2m; cạnh phía Nam giáp đường giao thôn rộng 12,1m; chiều rộng (7,2m + 12,1m) : 2 = 9,65m. Cạnh phía Tây giáp nhà văn hóa thôn dài 21,28m; cạnh phía Đông giáp đất ông H dài 16,22m; chiều dài (21,28m + 16,22m) : 2 = 18,74m. Diện tích: 9,65m x 18,74m = 181m². Giá trị đất 181m² x 250.000đ/m² = 45.250.000đ.

+ Giao cho ông H: cạnh phía Bắc giáp đất ông Tr rộng 5,5m; cạnh phía Nam giáp đường giao thôn rộng 5,9m; chiều rộng (5,5m + 5,9m) : 2 = 5,7m. Cạnh phía Tây giáp đất bà Th dài 16,22m; cạnh phía Đông giáp đất ông C dài 15m; chiều dài (16,22m + 15m) : 2 = 15,6m. Diện tích 5,7m x 15,6m = 90m². Giá trị đất 90m² x 250.000đ/m² = 22.500.000đ. Ông H hưởng là 15.083.000đ nên ông phải trả lại giá trị bằng tiền cho ông Tr là 7.417.000đ.

+ Giao cho ông C: cạnh phía Bắc giáp đất ông Tr rộng 4,5m; cạnh phía Nam giáp đường giao thôn rộng 9,5m; chiều rộng (4,5m + 9,5m) : 2 = 7m. Cạnh phía Tây giáp đất ông H dài 15m; cạnh phía Đông giáp đường giao thôn dài 11,15; chiều dài (15m + 11,15m) : 2 = 13m. Diện tích 7m x 13m = 91m². Giá trị đất 91m² x 250.000đ/m² = 22.750.000đ. Ông C được hưởng là 15.083.000đ, nên ông phải trả lại giá trị bằng tiền cho ông Tr là 7.667.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông C, ông H và ông Tr mỗi người phải chịu 754.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6;7;7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự: Bà Th, ông C, bà K, ông L và ông Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

6

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- CC THA dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Ngân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phan Quốc Văn

Dương Thị Thắm

Đỗ Thị Ngân

Nơi nhận

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Phòng GDKTTAND Tỉnh;

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- CC thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Ngân

Nơi nhận

- VKSND huyện Nga sơn;
- Phòng GDKTTAND Tỉnh;
- Các đương sự;
- CC thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Ngân

